# Bài 30: Sử dụng hợp lí tự nhiên để phát triển kinh tế ở Đồng bằng sông Cửu Long

**Giải Địa lí 12 Bài 30: Sử dụng hợp lí tự nhiên để phát triển kinh tế ở Đồng bằng sông Cửu Long**  
**Giải Địa lí 12 trang 145**  
**Mở đầu trang 145 Địa Lí 12**: Vùng Đồng bằng sông Cửu Long có nhiều thế mạnh để phát triển kinh tế, đặc biệt cho phát triển nông nghiệp, thủy sản và du lịch. Những thế mạnh, hạn chế và vấn đề sử dụng hợp lí tự nhiên của vùng là gì? Thực trạng phát triển sản xuất lương thực, thực phẩm và du lịch của vùng như thế nào?  
**Lời giải:**  
- Thế mạnh, hạn chế  
+ Thế mạnh: địa hình đồng bằng rộng lớn, đất phù sa sông, đất phèn, đất mặn; khí hậu cận xích đạo; mạng lưới sông ngòi, kênh rạch dày đặc; rừng tràm, rừng ngập mặn; khoáng sản dầu mỏ và khí tự nhiên, đá vôi, đá xây dựng, sét, cao lanh, than bùn; vùng biển rộng, nhiều đảo.  
+ Hạn chế: mùa khô sâu sắc; chịu ảnh hưởng biến đổi khí hậu; phụ thuộc nguồn nước đầu nguồn.  
- Vấn đề sử dụng hợp lí tự nhiên: đất nhiễm phèn, nhiễm mặn, khô hạn, mất cân bằng nguồn nước, biến đổi khí hậu.  
- Thực trạng phát triển sản xuất lương thực, thực phẩm và du lịch:  
+ Sản xuất lương thực, thực phẩm: phát triển theo hướng sinh thái bền vững với các sản phẩm trọng tâm là thủy sản, lúa gạo và trái cây, ứng dụng công nghệ cao  
+ Du lịch: khách du lịch và doanh thu du lịch xu hướng tăng, đa dạng loại hình du lịch.  
**I. Khái quát**  
  
**Câu hỏi trang 145 Địa Lí 12**: Dựa vào thông tin mục I và hình 30.1, hãy:  
- Trình bày vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ vùng Đồng bằng sông Cửu Long.  
- Nêu khái quát về đặc điểm dân số của vùng.  
**Lời giải:**  
- Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ:  
+ Diện tích 40,9 nghìn km2, bao gồm TP Cần Thơ và 12 tỉnh: Long An, Vĩnh Long, Tiền Giang, Bến Tre, Hậu Giang, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bạc Liêu, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang, Cà Mau.  
+ Là vùng đất cuối cùng về phía Nam của Việt Nam, có vùng biển rộng lớn bao quanh 3 phía, giàu tài nguyên, gần ngã tư đường hàng hải quốc tế. Giáp vùng Đông Nam Bộ và nước Cam-pu-chia.  
=> Vị trí địa lí tạo thuận lợi cho vùng phát triển kinh tế, giao lưu, hợp tác với các vùng khác và quốc gia trong khu vực; vị trí quan trọng đối với quốc phòng an ninh trên cả đất liền và vùng biển đảo.  
- Đặc điểm dân số:  
+ Số dân năm 2021 là 17,4 triệu người, chiếm 17,7% dân số cả nước. Tỉ lệ tăng tự nhiên thấp nhất cả nước (0,55% năm 2021).  
+ Mật độ dân số trung bình của vùng năm 2021 là 426 người/km2, tỉ lệ dân thành thị là 26,4%, thấp hơn mức TB cả nước.  
+ Có nhiều dân tộc: Kinh, Khơ-me, Hoa, Chăm,…  
**II. Sử dụng hợp lí tự nhiên**  
**Câu hỏi trang 147 Địa Lí 12**: Dựa vào nội dung mục 1, hãy chứng minh các thế mạnh và hạn chế về tự nhiên cho phát triển kinh tế của vùng Đồng bằng sông Cửu Long.  
**Lời giải:**  
- Thế mạnh:  
+ Địa hình và đất: là đồng bằng châu thổ rộng lớn nhất nước ta, địa hình thấp, bằng phẳng, thuận lợi canh tác nông nghiệp và các hoạt động kinh tế. Có 3 loại đất chính: đất phù sa sông (hơn 1 triệu ha dọc sông Tiền, sông Hậu) là loại đất tốt, màu mỡ, thích hợp trồng lúa và các cây trồng khác. Đất phèn (hươn 1,6 triệu ha ở Đồng Tháp Mười, Tứ giác Long Xuyên, bán đảo Cà Mau) có thể cải tạo trồng lúa, cây ăn quả,… Đất mặn (gần 1 triệu ha) khu vực ven biển, phù hợp phát triển rừng ngập mặn, nuôi trồng thủy sản. Các loại đất khác ở khu vực biên giới Cam-pu-chia và trên các đảo có thể trồng cây ăn quả, cây công nghiệp nhiệt đới.  
+ Khí hậu cận xích đạo, nhiệt độ trung bình trên 25°C, biên độ nhiệt năm nhỏ, số giờ nắng cao; lượng mưa TB năm khoảng 1500 – 2000mm. Thuận lợi sản xuất nông nghiệp nhiệt đới, phát triển điện gió, điện mặt trời.  
+ Nguồn nước: mạng lưới sông ngòi, kênh rạch dày đặc, hệ thống sông Cửu Long với 2 nhánh lớn là sông Tiền và sông Hậu. Vai trò quan trọng về thủy lợi, giao thông đường sông và phát triển du lịch. Có nhiều bãi triều rộng, diện tích mặt nước lớn trong nội địa, tạo điều kiện nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ, nước ngọt.  
+ Rừng: rừng tràm ở An Giang, Cà Mau, Kiên Giang, rừng ngập mặn ven biển các tỉnh Cà Mau, Bạc Liêu, Kiên Giang. Ý nghĩa lớn đối với môi trường, bảo tồn nguồn gen, là cơ sở để phát triển du lịch sinh thái.  
+ Khoáng sản: dầu mỏ và khí tự nhiên ở vùng thềm lục địa; đá vôi ở Kiên Giang, đá xây dựng ở An Giang; sét, cao lanh,… Than bùn ở các khu vực đầm lầy, dưới rừng ngập nước (Kiên Giang, Cà Mau).  
+ Biển: vùng biển rộng, nhiều đảo, nhiều thế mạnh phát triển tổng hợp kinh tế biển. Sinh vật biển phong phú, nguồn lợi hải sản giàu có, ngư trường trọng điểm Cà Mau – Kiên Giang, trữ lượng hải sản đứng đầu cả nước. Các đảo tiềm năng phát triển du lịch biển, nổi bật là Phú Quốc.  
- Hạn chế:  
+ Khí hậu có một mùa khô sâu sắc gây tình trạng thiếu nước ngọt cho các hoạt động kinh tế, sinh hoạt, tăng nguy cơ cháy rừng, làm tăng diện tích đất phèn, đất mặn,…  
+ Là vùng chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu, làm gia tăng các hiện tượng thời tiết cực đoan và nước biển dâng làm mở rộng diện tích đất bị ngập nước ven biển.  
+ Nằm ở hạ lưu sông Mê Công, nguồn nước sông phụ thuộc vào việc sử dụng nước của các quốc gia đầu nguồn, gây khó khăn trong quản lí, sử dụng tổng hợp nguồn nước sông.  
**Câu hỏi trang 148 Địa Lí 12**: Dựa vào thông tin mục 2, hãy:  
- Giải thích tại tao phải sử dụng hợp lí tự nhiên vùng Đồng bằng sông Cửu Long.  
- Trình bày hướng sử dụng hợp lí tự nhiên của vùng.  
**Lời giải:**  
- Phải sử dụng hợp lí tự nhiên vì:  
+ Là vùng trọng điểm sản xuất lương thực, thực phẩm lớn nhất cả nước, vai trò đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.  
+ Sử dụng hợp lí các nguồn lực tự nhiên sẽ phát triển đa dạng các hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của vùng, phát huy hiệu quả thế mạnh của vùng.  
+ Tự nhiên của vùng còn nhiều khó khăn: đất nhiễm phèn, nhiễm mặn, khô hạn, mất cân bằng nguồn nước, biến đổi khí hậu,… Để phát triển kinh tế - xã hội bền vững cần có hướng sử dụng hợp lí, cải tạo và thích ứng với tự nhiên trong sản xuất và đời sống.  
- Hướng sử dụng hợp lí tự nhiên:  
+ Tăng cường quản lí và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, nhất là tài nguyên đất và nước; bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu.  
+ Đầu tư xây dựng mới và hiện đại hóa hệ thống thủy lợi, phát triển nông nghiệp bền vững, phù hợp với đặc điểm sinh thái các vùng sản xuất. Chủ động kiếm soát lũ, phòng, chống sạt lở; đầu tư các công trình thủy lợi tích hợp, kiểm soát nguồn nước; tăng khả năng chủ động lấy nước, trữ nước, tiêu thoát và điều tiết lũ.  
+ Bảo vệ và phát triển các khu bảo tồn thiên nhiên, các vùng ngập nước quan trọng, bảo vệ bờ biển, hạn chế gió, sóng biển.  
+ Áp dụng công nghệ sinh học, công nghệ môi trường để phát triển các mô hình kinh tế phù hợp với từng địa bàn, tham gia vào các chuỗi giá trị toàn cầu.  
+ Khai thác tổng hợp thế mạnh vùng biển đảo, phát triển du lịch sinh thái theo hướng bền vững.  
+ Nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ môi trường, có các chính sách hỗ trợ chủ động khai thác mùa lũ, thích ứng với thiên tai và biến đổi khí hậu. Xây dựng các tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ.  
**III. Phát triển sản xuất lương thực và thực phẩm**  
**Câu hỏi trang 149 Địa Lí 12**: Dựa vào thông tin mục 1, hãy nêu vai trò của sản xuất lương thực và thực phẩm ở Đồng bằng sông Cửu Long.  
**Lời giải:**  
- Sản xuất lương thực và thực phẩm có vai trò quan trọng đối với việc đảm bảo an ninh lương thực của vùng và cả nước.  
- Vùng là nơi cung cấp các mặt hàng lương thực, thực phẩm xuất khẩu chủ lực cho đất nước, đặc biệt là gạo và thủy sản.  
- Góp phần khai thác thế mạnh về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và kinh tế - xã hội của vùng.  
- Cung cấp nguồn nguyên liệu cho công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của vùng,…  
- Giúp giải quyết việc làm cho một lượng lao động đáng kể trong vùng, cải thiện đời sống nhân dân.  
**Câu hỏi trang 152 Địa Lí 12**: Dựa vào thông tin mục 2 và hình 30.2, hãy trình bày:  
- Tình hình phát triển sản xuất lương thực vùng Đồng bằng sông Cửu Long.  
- Tình hình phát triển sản xuất thực phẩm (thủy sản, chăn nuôi, cây ăn quả) của vùng.  
**Lời giải:**  
- Tình hình phát triển sản xuất lương thực:  
+ Là ngành giữ vai trò quan trọng nhất trong nông nghiệp của vùng. Năm 2021, chiếm 50% diện tích gieo trồng và sản lượng lương thực có hạt của cả nước. Bình quân lương thực đầu người đạt 1405,1 kg, gấp hơn 2,8 lần mức bình quân cả nước.  
+ Lúa là cây lương thực chủ đạo, chiếm hơn 99% diện tích và sản lượng lương thực có hạt của vùng. Là vùng sản xuất lúa hàng hóa lớn nhất, chiếm hơn 90% sản lượng gạo xuất khẩu của cả nước.  
+ Tăng cường ứng dụng khoc học – công nghệ trong sản xuất lúa. Năng suất lúa cả năm tăng, năm 2021 đạt 62,4 tạ/ha, cao nhất cả nước. Các giống lúa mới có năng suất và chất lượng cao được đưa vào sản xuất, mang lại hiệu quả kinh tế cao, đáp ứng nhu cầu thị trường. Lúa trồng khắp các tỉnh trong vùng, nhiều nhất là Kiên Giang, An Giang, Hậu Giang, Sóc Trăng, Đồng Tháp.  
+ Ngoài lúa còn trồng ngô, khoai, sắn,… diện tích không đáng kể.  
- Tình hình phát triển sản xuất thực phẩm:  
+ Chăn nuôi: chủ yếu là lợn, bò thịt, gia cầm,… phát triển theo hướng sạch, quy mô lớn, ứng dụng khoa học – công nghệ, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ. Các tỉnh phát triển là Bến Tre, Tiền Giang, Trà Vinh,…  
+ Thủy sản: vùng trọng điểm số 1 về thủy sản, phát triển cả khai thác và nuôi trồng. Sản lượng thủy sản ngày càng tăng, luôn chiếm trên 50% sản lượng cả nước, đứng đầu về giá trị xuất khẩu thủy sản (năm 2021 chiếm 30% sản lượng cả vùng và hơn 38% sản lượng cả nước). Nuôi trồng thủy sản là ưu thế và luôn ở vị trí đứng đầu, năm 2021, diện tích thu hoạch thủy sản đạt hơn 772 nghìn ha, chiếm gần 71% diện tích cả nước. Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng liên tục, chiếm gần 70% cả nước. Chủ yếu là tôm, cá da trơn, cua,… Phát triển theo hướng sản xuất công nghiệp, công nghệ cao; các cơ cở chế biến, sản xuất thức ăn thủy sản phát triển mạnh, tạo nên chuỗi giá trị từ nuôi trồng, chế biến và tiêu thụ.  
- Trồng cây ăn quả: là vùng sản xuất cây ăn quả lớn nhất cả nước, diện tích tăng nhanh, năm 2021 đạt hơn 377 nghìn ha (chiếm hơn 33% cả nước). Chủ lực là sầu riêng, thanh long, xoài, chôm chôm, nhãn, bưởi, cam,… Một số vùng trồng cây qản quả tập trung được đẩy mạnh đầu tư với quy mô lớn. Phát triển theo hướng công nghệ cao (công nghệ gen, tự động hóa, nông nghiệp thông minh, công nghệ sinh học), hướng tới trồng trọ hữu cơ, bền vững,… tăng cường đầu tư công nghiệp chế biến. Sản phẩm cây ăn quả cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu.  
**IV. Phát triển du lịch**  
**Giải Địa lí 12 trang 153**  
**Câu hỏi trang 153 Địa Lí 12**: Dựa vào thông tin mục 1, hãy trình bày tài nguyên du lịch ở Đồng bằng sông Cửu Long.  
**Lời giải:**  
- Tài nguyên du lịch tự nhiên:  
+ Hệ thống sông, kênh rạch chằng chịt, các cù lao sông; các hệ sinh thái rừng như rừng ngập mặn (U Minh Thượng, U Minh Hạ - Cà Mau), rừng tràm (Vườn quốc gia Tràm Chim – Đồng Tháp),… tạo nên cảnh quan thiên nhiên độc đáo, hấp dẫn khách du lịch.  
+ Vùng biển có hệ thống các đảo như Phú Quốc, Nam Du, Hòn Tre,… với nhiều bãi tắm, cảnh quan đặc sắc là những điểm đến thu hút khách du lịch.  
- Tài nguyên du lịch văn hóa:  
+ Các di tích lịch sử - văn hóa, di tích cách mạng, khảo cổ, kiến trúc, nghệ thuật,… trong vùng rất phong phú. Nổi tiếng là nhà tù Phú Quốc, di chỉ khảo cổ Óc Eo – Gò Thành, di tích Đồng Khởi, chùa Dơi, các di tích ở Núi Sam,…  
+ Nền văn hóa vùng châu thổ với các miệt vườn cây trái trù phú, người dân thích ứng với cuộc sống miền sông nước, hình thành nên các chợ nổi (Cái Răng, Phụng Hiệp) hấp dẫn khách du lịch. Nghệ thuật dân gian có đờn ca tài tử, hò,… các nghề thủ công truyền thống, ẩm thực, lễ hội đặc sắc (Vía Bà Chúa Xứ Núi Sam, Ok Om Bok) làm phong phú hơn các sản phẩm du lịch của vùng.  
  
**Câu hỏi trang 153 Địa Lí 12**: Dựa vào thông tin mục 2, hãy trình bày tình hình phát triển du lịch ở Đồng bằng sông Cửu Long.  
**Lời giải:**  
- Khách du lịch và doanh thu du lịch lữ hành có xu hướng tăng đều trong giai đoạn 2015 – 2019, năm 2020, 2021 giảm do ảnh hưởng COVID-19. Sau khi dịch được kiểm soát, lượng khách đang dần phục hồi trở lại.  
- Loại hình du lịch đặc trưng là: du lịch sinh thái, du lịch sông nước, du lịch nghỉ dưỡng biển đảo và du lịch văn hóa lễ hội.  
- Các địa bàn trọng điểm du lịch của vùng gồm Cần Thơ, Kiên Giang, Đồng Tháp, An Giang, Tiền Giang, Bến Tre. Phú Quốc là đô thi du lịch và là điểm đến hấp dẫn nhất vùng.  
  
**Luyện tập trang 153 Địa Lí 12**: Dựa vào bảng 30.1, hãy nhận xét tình hình và vai trò của ngành sản xuất lúa ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long.  
  
**Lời giải:**  
Nhìn chung ngành sản xuất lúa ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long phát triển bậc nhất cả nước với diện tích và sản lượng luôn đứng đầu cả nước và chiếm hơn 50%.  
- Diện tích lúa lớn nhất cả nước với 3,9 triệu ha năm 2021 chiếm 53,9% diện tích cả nước.  
- Sản lượng lúa cao nhất cả nước với 24,3 triệu tấn năm 2021, chiếm 55,5% sản lượng cả nước.  
- Ngành sản sản xuất lúa ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long có vai trò quan trọng đối với việc đảm bảo an ninh lương thực cho vùng và cả nước. Cung cấp gạo cho xuất khẩu, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của vùng. Góp phần khai thác thế mạnh về tài nguyên đất, nước, khí hậu; giải quyết việc làm cho một lực lượng lao động đáng lể, cải thiện đời sống nhân dân.  
  
**Vận dụng trang 153 Địa Lí 12**: Sưu tầm thông tin, tìm hiểu về tiềm năng phát triển một loại hình du lịch ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long.  
**Lời giải:**  
Tiềm năng phát triển du lịch sông nước ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL)  
- Vùng ĐBSCL nằm ở hạ lưu sông Mê Kông, con sông lớn nhất Đông Nam Á, với hai nhánh sông Tiền và sông Hậu. ĐBSCL có diện tích tự nhiên gần 40.000 km2, bằng 5,6% diện tích của lưu vực, với mạng lưới sông ngòi kênh rạch chằng chịt, được mệnh danh là “thế giới sông nước” (Water World). Từ lâu loại hình du lịch bằng tàu, ghe len lỏi vào sâu trong các kênh rạch, trải nghiệm cuộc sống mộc mạc, thơ mộng của người dân vùng sông nước cũng rất hấp dẫn du khách khi đến với ĐBSCL với nhiều loại hình du lịch.  
- Khu vực ĐBSCL có gần 28.000km đường thủy với hệ thống sông ngòi, kênh, rạch chằng chịt kết hợp với đặc điểm địa hình, thổ nhưỡng, khí hậu, thời tiết tạo nên cảnh quan thiên nhiên đặc sắc, nhất là cảnh quan sông nước.  
- Các bền tàu du lịch ở các sông, nhà hàng ăn uống được đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện để phục vụ khách cập bến, tách biệt với các bến tàu thương mại.  
- Dọc các con sông có các địa điểm tham quan, các di tích văn hóa – lịch sử, các vùng đặc sản và ẩm thực phong phú, chợ nổi truyền thống với nét văn hóa đặc trưng cuộc sống người dân miền sông nước.  
- ĐBSCL được biết đến là vùng đất hiền hòa, khí hậu mát mẻ, cây lành trái ngọt và nhiều sản vật thiên nhiên ban tặng thích hợp để phát triển du lịch trong đó có du lịch sông nước.  
- Các chính sách khuyến khích, ưu đãi doanh nghiệp đầu tư kinh doanh các loại hình du lịch ven sông và trên sông, như: Đầu tư điểm dừng ven sông, phương tiện vận chuyển du khách, cầu cảng neo đậu tàu du lịch….  
- Thu hút được các nguồn vốn đầu tư và các dự án phát triển du lịch sông nước.  
- Những phiên chợ nổi nhộn nhịp vào buổi sáng sớm, như: Cái Răng (thành phố Cần Thơ), Phụng Hiệp (tỉnh Hậu Giang), Cái Bè (tỉnh Tiền Giang), Ngã Năm (tỉnh Sóc Trăng)… hay những cù lao quanh năm chan hòa ánh nắng, thiên nhiên trong lành như cồn Phụng, cồn Ốc, cồn Quy (tỉnh Bến Tre), cồn Tiên (tỉnh Đồng Tháp), cồn Mỹ Phước (tỉnh Sóc Trăng), cồn Thới Sơn (tỉnh Tiền Giang)… cũng là một nét đẹp rất đặc trưng của vùng sông nước vùng ĐBSCL.  
**Xem thêm lời giải sách giáo khoa Địa lí lớp 12 Kết nối tri thức hay, chi tiết khác:**  
Bài 31: Thực hành: Viết báo cáo về biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long  
Bài 32: Phát triển các vùng kinh tế trọng điểm  
Bài 33: Phát triển kinh tế và đảm bảo quốc phòng an ninh ở Biển Đông và các đảo, quần đảo  
Bài 34: Thực hành: Viết báo cáo tuyên truyền về bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Việt Nam  
Bài 35: Thực hành: Tìm hiểu địa lí địa phương